

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HC-PT

Ngày 27 – 9 - 2017

V/v: *Khởi kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
*Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hồng

Các Thẩm phán: Bà Tòng Thị Hiền

Ông Đinh Huy Hiệp

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2017/TLPT-HC ngày 23 tháng 8 năm 2017 về khởi kiện quyết định hành chính.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện PY bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2017/QĐPT-HC ngày 23 tháng 8 năm 2017; giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Mỹ M; địa chỉ: Khối 1, thị trấn PY, huyện PY, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim D; địa chỉ: Khối 2, thị trấn PY, tỉnh Sơn La. Có mặt

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện PY, tỉnh Sơn La

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cầm Văn T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện PY, tỉnh Sơn La. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện PY:

- Ông Nguyễn Đức K (xin xét xử vắng mặt); ông Nguyễn Ngọc TN thuộc Công ty Luật TNHH NT và cộng sự; địa chỉ: Phòng 1216, Tòa B1-HUD2, khu đô thị Tây NLĐ, phường BL, quận HM, TP. Hà Nội.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trương Thị V; địa chỉ: Khối 1, thị trấn PY, huyện PY, tỉnh Sơn La; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái D; địa chỉ: Khối 1, thị trấn PY, huyện PY, tỉnh Sơn La. Có mặt

- Bà Hồ Thị TH (Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thủy (Nguyệt); địa chỉ: Tổ 9, phường QT, Thành phố SL, tỉnh Sơn La), ông Lê TH Tam; địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn BY, huyện BY, tỉnh Sơn La. Có mặt

- Bà Lương Thị Hiền; địa chỉ: Khối 1, thị trấn PY, huyện PY, tỉnh Sơn La. Có mặt

- Ông Nguyễn Tiến Đ, bà Đỗ Thị Lan HG; địa chỉ: Khối 1, thị trấn PY, tỉnh Sơn La. Có mặt

4. *Người kháng cáo*: Người khởi kiện - Ông Nguyễn Mỹ M; địa chỉ: Khối 1, thị trấn PY, huyện PY, tỉnh Sơn La. Theo đơn kháng cáo và Bản tự khai của ông Nguyễn Mỹ M nhận ngày 05/6/2017.

5. *V kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La có văn bản kháng nghị số 16/KN-VKS ngày 28/6/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN, KHÁNG CÁO, KHÁNG NGHỊ

** Theo đơn khởi kiện vụ án hành chính và Bản tự khai của Người khởi kiện - ông Nguyễn Mỹ M trình bày như sau:*

Năm 1964, ông Nguyễn Mỹ M (gọi tắt là ông M) lên Sơn La xây dựng kinh tế mới. Trong quá trình làm kinh tế, ông M có một mảnh đất và một ngôi nhà tại Bản Mo, huyện PY, tỉnh Sơn La. Đến năm 1968, bà Trương Thị V (gọi tắt là bà V) và 3 người con riêng là: Hồ Thanh Tâm, Hồ Thanh Tân và Hồ Thị TH đến ở nhà ông M. Ông M và bà V chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn từ năm 1968 cho đến nay. Trong quá trình chung sống, ông M và bà V đã bán mảnh đất tại Bản Mo, huyện PY để mua một mảnh đất tại Khối 1, thị trấn PY, huyện PY.

Năm 1994, gia đình ông M được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số B945690 đứng tên ông Nguyễn Mỹ M. Năm 2005 ông M về Thái Bình ở với vợ cả là bà Lương Thị H.

Sau khi lo xong hậu sự cho bà Hòa, năm 2014 ông M trở về Khối 1, thị trấn PY, huyện PY, tỉnh Sơn La thì Đ biết GCNQSDĐ của mình đã bị tách thành 04 (bốn) GCNQSDĐ là: 1. GCNQSDĐ số AL191329 cấp ngày 31/01/2008 mang tên bà Trương Thị V; 2. GCNQSDĐ số AL191330 cấp ngày 31/01/2008 mang tên bà Hồ Thị TH, ông Lê TH Tam; 3. GCNQSDĐ số AL191331 cấp ngày 31/01/2008 mang tên ông Hồ TH Tân, bà Lương Thị Hiền; 4. GCNQSDĐ số AL191332 cấp ngày 31/01/2008 mang tên ông Nguyễn Tiến Đ, bà Đỗ Thị Lan HG.

Việc tách GCNQSDĐ nêu trên không có sự đồng ý của ông Nguyễn Mỹ M. Do vậy, ngày 19/4/2016 ông M đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy 04 quyết định nêu trên, trả lại diện tích đất là 651m² theo GCNQSDĐ số B945690 cấp cho ông Nguyễn Mỹ M ngày 21/01/1994 theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày

21/01/1994 của Ủy ban nhân dân huyện PY.

** Theo Bản tự khai và tại phiên đối thoại, Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện PY trình bày như sau:*

Ông M và bà V là vợ chồng, đã chung sống với nhau từ năm 1967. Trong quá trình chung sống, ông bà đã được UBND huyện PY cấp cho một diện tích đất là 651m² theo Quyết định số 02/QĐ-UB ngày 21/01/1994 về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Nguyễn Mỹ M tại Khối 1, Đồng Đa, thuộc địa giới hành chính xã Huy Bắc, huyện PY, tỉnh Sơn La (nay thuộc Khối 1, Thị trấn PY, huyện PY, tỉnh Sơn La).

Từ tháng 12/2007 đến tháng 01/2008, bà Trương Thị V đã tiến hành làm thủ tục tách diện tích 651m² trong GCNQSDĐ số B945690 thành 04 thửa: Chia cho các con 02 thửa, chuyển nhượng 01 thửa và để lại sử dụng 01 thửa.

Căn cứ vào đơn đề nghị tách thửa đất để tặng, cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hồ sơ tài liệu kèm theo, các cơ quan chuyên môn của huyện PY và UBND xã Huy Bắc đã tiến hành kiểm tra, xác minh, thẩm định và trình UBND huyện PY ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ.

Ngày 31/01/2008, UBND huyện PY đã ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ như sau:

- GCNQSDĐ số AL191329 đứng tên hộ bà Trương Thị V để lại sử dụng với tổng diện tích là 512,7m² đất;

- GCNQSDĐ số AL191330 đứng tên hộ bà Hồ Thị TH, ông Lê TH Tam Đ nhận chia với tổng diện tích là 82m² đất;

- GCNQSDĐ số AL191331 đứng tên hộ ông Hồ TH Tân, bà Lương Thị Hiền Đ nhận chia với tổng diện tích là 84m² đất;

- GCNQSDĐ số AL191332 đứng tên hộ ông Nguyễn Tiến Đ, bà Đỗ Thị Lan HG nhận chuyển nhượng với tổng diện tích 80m² đất.

Việc chia tách, chuyển nhượng đất giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. UBND huyện PY đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tách thửa đất của hộ gia đình bà Trương Thị V đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 145 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003. Do vậy, UBND huyện PY không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mỹ M và giữ nguyên các GCNQSDĐ đã cấp cho các hộ nêu trên.

** Theo Bản tự khai và tại phiên đối thoại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị V – đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thái D trình bày như sau:*

Ngày 28/12/2007, bà Trương Thị V làm đơn xin chuyển quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ Thanh Tân, bà Lương Thị Hiền; hộ bà Hồ Thị TH và ông Lê Thanh Tam; hộ ông Nguyễn Tiến Đ và bà Đỗ Thị Lan HG và được chính quyền địa phương xác nhận.

Ngày 25/12/2007 bà M có đơn xin chỉnh lý GCNQSDĐ, kết hợp với việc

chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng và cho tặng quyền sử dụng đất có xác nhận của Trưởng khối gửi UBND huyện PY, UBND xã Huy Bắc và Phòng TNMT huyện PY.

Yêu cầu của bà M đã được UBND huyện PY chấp nhận và cấp GCNQSDĐ cho: Hộ bà Trương Thị V; hộ gia đình bà Hồ Thị TH, ông Lê Thanh Tam; hộ ông Hồ Thanh Tân, bà Lương Thị Hiền; hộ ông Nguyễn Tiến Đ, bà Đỗ Thị Lan HG.

Nay ông Nguyễn Mỹ M có yêu cầu khởi kiện UBND huyện PY, yêu cầu hủy các GCNQSDĐ nêu trên. Bà V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Theo Bản tự khai và lời khai của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị TH, ông Lê Thanh Tam, bà Lương Thị Hiền, ông Nguyễn Tiến Đ, bà Đỗ Thị Lan HG trình bày như sau:*

Việc bà V làm đơn đề nghị UBND huyện PY, tỉnh Sơn La xin chính lý GCNQSDĐ, kết hợp chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng và tặng quyền sử dụng đất giữa các bên đều hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi nhận chuyển nhượng, các bên đã ở ổn định từ đó cho tới nay, không có tranh chấp gì. Nay ông M khởi kiện đòi lại đất là không có căn cứ và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện PY đã áp dụng Điều 31, Điều 38 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 145 Nghị định số 181/2004/CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ; khoản 1 các Điều 30, 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án để xử bác yêu cầu của ông Nguyễn Mỹ M; giữ nguyên 04 (Bốn) GCNQSDĐ số AL191329 cấp cho bà Trương Thị V; GCNQSDĐ số AL191330 cấp cho hộ bà Hồ Thị TH, ông Lê Thanh T; GCNQSDĐ số AL191331 cấp cho hộ ông Hồ TH Tân, bà Lương Thị Hiền; GCNQSDĐ số AL191332 cấp cho hộ ông Nguyễn Tiến Đ, bà Đỗ Thị Lan HG do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện PY ký ngày 31/01/2008. Ông M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2017 ông Nguyễn Mỹ M đã có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Trong Đơn kháng cáo, ông M đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy 04 GCNQSDĐ đã cấp cho các hộ: Hộ bà Trương Thị V; hộ gia đình bà Hồ Thị TH, ông Lê Thanh T; hộ ông Hồ Thanh T, bà Lương Thị Hiền; hộ ông Nguyễn Tiến Đ, bà Đỗ Thị Lan HG từ GCNQSDĐ số B945690 đứng tên ông Nguyễn Mỹ M. Đồng thời yêu cầu UBND huyện PY khôi phục lại GCNQSDĐ số B945690 cho ông Nguyễn Mỹ M.

Ngày 28/6/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La có Văn bản kháng nghị số 16/KN-VKS với nội dung kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc Ủy ban nhân dân huyện PY cấp GCNQSDĐ cho 04 hộ

bà Trương Thị V; hộ gia đình bà Hồ Thị TH, ông Lê TH Tam; hộ ông Hồ TH Tân, bà Lương Thị Hiền; hộ ông Nguyễn Tiến Đ, bà Đỗ Thị Lan HG theo yêu cầu của bà Trương Thị V là có căn cứ. Tuy nhiên, việc UBND huyện PY đồng ý cho bà V chuyển nhượng và chia tách đất mà chưa xem xét đến tài sản chung của vợ chồng là vi phạm các quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà V có quyền chuyển nhượng và chia tách đất, UBND huyện PY cấp đất cho 04 hộ nêu trên là đúng quy định của pháp luật, đồng thời bác đơn khởi kiện của ông M là giải quyết vụ án chưa toàn diện và khách quan. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm để khắc phục những vi phạm, thiếu sót nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La xin rút kháng nghị. Xét việc rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La là có căn cứ và cần Đ chấp nhận.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến tranh luận của các đương sự tham gia phiên tòa như sau:*

Về phía Người khởi kiện ông Nguyễn Mỹ M – đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Kim D có ý kiến tranh luận như sau: Nguồn gốc diện tích đất đang có tranh chấp là do ông M bỏ tiền ra mua mà có. Việc bà V và các con của bà V đến ở chỉ là ở nhờ, không có quyền đối với diện tích đất nêu trên. Nay bà V và các con bà V tự ý tặng cho các con riêng của bà V và bán cho gia đình ông bà HG, Đ mà không được sự đồng ý của ông M là hoàn toàn vi phạm pháp luật. Việc UBND huyện PY chấp nhận đơn đề nghị và tách bìa cho bà V là không đúng. Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét và hủy 04 (bốn) GCNQSDĐ mang tên hộ bà Trương Thị V; hộ bà Hồ Thị TH, ông Lê TH Tam; hộ bà Lương Thị Hiền, ông Hồ Than Tân; hộ ông Nguyễn Tiến Đ, bà Đỗ Thị Lan HG; trả lại diện tích đất 651m² và GCNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Mỹ M.

Về phía Người bị kiện đã yêu cầu Luật sư đại diện cho UBND huyện PY có ý kiến tranh luận như sau: Do ông M và bà V là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 1967. Năm 1987, ông M bỏ đi nơi khác không có tin tức gì, trong quá trình đó, việc quản lý, sử dụng và nộp các khoản tài chính đều do bà V thực hiện. Đến năm 2008, bà V có đơn đề nghị tách thửa đất để tặng, cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hồ sơ tài liệu kèm theo. Xét thấy đơn đề nghị của bà V có đủ điều kiện nên UBND huyện PY đã tiến hành các thủ tục để tách thửa đất và tách GCNQSDĐ cho 04 hộ bà Trương Thị V; hộ bà Hồ Thị TH, ông Lê TH Tam; hộ bà Lương Thị Hiền, ông Hồ Than Tân; hộ ông Nguyễn Tiến Đ, bà Đỗ Thị Lan HG theo đúng quy định của pháp luật.

Về phía Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị TH, ông Lê TH Tam, bà Lương Thị Hiền, ông Nguyễn Tiến Đ, bà Đỗ Thị Lan HG có ý kiến tranh luận như sau: Ông M và bà V là vợ chồng, do ông M bỏ đi không có tin tức gì nên bà V có toàn quyền trong việc chuyển nhượng và tặng cho quyền sử dụng đất. Do vậy ông M không có quyền đòi lại QSDĐ đã Đ bà V cho tặng. Nay ông M làm đơn ra Tòa án yêu cầu giải quyết, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định

của pháp luật.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Về quá trình thực hiện tố tụng của thẩm phán chủ tọa phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên như sau: Xuất phát từ việc ông Nguyễn Mỹ M và bà Trương Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1967, không có đăng ký kết hôn. Năm 1994, hộ gia đình ông Nguyễn Mỹ M đã Đ UBND huyện PY cấp cho một diện tích đất là 651m² theo GCNQSDĐ số B45690 ngày 21/01/1994 mang tên ông Nguyễn Mỹ M. Năm 2005, do bận công chuyện nên ông M về quê tại Thái Bình sinh sống đến năm 2014 thì quay trở lại Thị trấn PY, huyện PY thì phát hiện hiện ra sự việc bà V đã tự ý làm thủ tục tách thửa đất, tặng cho và chuyển nhượng diện tích đất cho 04 hộ. Xét thấy, khi ông M về quê không có sự thỏa thuận nào về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng, việc bà V tự ý làm đơn xin tách thửa đất, tặng cho và chuyển nhượng cho người khác và Đ UBND huyện PY chấp nhận là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Mỹ M. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến vấn đề tài sản chung của vợ chồng, không xem xét và định giá các tài sản trên đất là giải quyết vụ án chưa toàn diện và khách quan, có sự vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Do vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

** Về tố tụng:*

[1] Về thành phần những người tham gia tố tụng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL191331 ngày 31/01/2008 do UBND huyện PY cấp cho vợ chồng ông Hồ TH Tân và bà Lương Thị Hiền. Theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung của ông Tân và bà Hiền. Tại thời điểm ông Nguyễn Mỹ M khởi kiện ra Tòa án, ông Hồ TH Tân đã chết. Do ông Tân chết nên một phần quyền sử dụng đất đối với GCNQSDĐ số AL191331 Đ coi là di sản thừa kế theo quy định tại Điều 634 của Bộ luật dân sự 2005. Theo quy định tại Điều 635 của Bộ luật dân sự 2005 thì di sản thừa kế của ông Tân sẽ Đ để lại cho những người thừa kế theo pháp luật hoặc theo di chúc. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định những người thừa kế của ông Hồ TH Tân là những ai. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đưa bà Lương Thị Hiền vào tham gia tố tụng mà không xác định những người thừa kế của ông Hồ TH Tân để đưa vào tham gia tố tụng là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, không đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử theo quy định tại Điều 11, Điều 19 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về thủ tục giải quyết đơn khởi kiện: Ngày 19/4/2016 Tòa án cấp sơ thẩm nhận Đ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Mỹ M; tuy nhiên, nội dung và hình thức

đơn khởi kiện chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 181 của Luật tố tụng hành chính. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 121 của Luật tố tụng hành chính, trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày Thẩm phán Đ phân công xem xét đơn, nếu xét thấy đơn khởi kiện chưa đảm bảo theo quy định thì phải ra thông báo yêu cầu người khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông M sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện nhưng thời gian ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện (lần 1 và lần 2) vào ngày 04/4/2017 và ngày 17/4/2017 trong khi vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý từ ngày 20/4/2016 là không đúng, vi phạm về thủ tục tố tụng.

[3] Về tài liệu, chứng cứ:

Về tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp: Tại cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào việc: Năm 2005 ông M bỏ về quê sinh sống, trước khi đi ông V và bà M đã tự chia nhau tài sản, sau đó không có tin tức gì của ông M để làm căn cứ cho rằng bà V có toàn quyền trong việc chuyển nhượng, chia tách đối với diện tích 651m² đất theo GCNQSDĐ số B945690 mang tên ông Nguyễn Mỹ M. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án do cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết không có Biên bản phân chia tài sản chung của vợ chồng, không có Quyết định công nhận chết hoặc mất tích đối với ông Nguyễn Mỹ M do Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở để khẳng định bà V có toàn quyền quyết định đối với diện tích đất nêu trên. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng vẫn nhận định trong bản án về việc bà V có quyền chuyển nhượng và chia tách đất đối với diện tích đất 651m² theo GCNQSDĐ số B945690 mang tên ông Nguyễn Mỹ M là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu thẩm định và định giá đối với các tài sản trên đất để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm chỉ mới xác định quyền sử dụng đất của các đương sự mà chưa tiến hành xem xét thẩm định và định giá đối với các tài sản trên đất đang có tranh chấp là giải quyết vụ án chưa toàn diện và khách quan. Tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục Đ những thiếu sót này của cấp sơ thẩm.

[4] Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định tại khoản 1 các Điều 30, 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án để làm căn cứ giải quyết về phần án phí. Tuy nhiên, theo Thông báo thụ lý số 01/2016/TB-TA, vụ án này Đ Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý ngày 20/4/2016, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH đối với những vụ án sơ thẩm thụ lý trước ngày 01/01/2017 thì áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án năm 2009 để giải quyết về phần án phí. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH để giải quyết về án phí là sai quy định của pháp luật.

*** Về nội dung:**

Theo Đơn khởi kiện và phần trình bày của các đương sự, ông M và bà V về chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn từ năm 1967. Theo quy định tại khoản a Điều 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 thì trường hợp quan hệ như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn trước ngày 03/01/1987 thì vẫn Đ coi là vợ chồng. Năm 1994, hộ gia đình ông M và bà V Đ Nhà nước cấp GCNQSDĐ số B945690 đứng tên ông Nguyễn Mỹ M, theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì GCNQSDĐ nêu trên là tài sản chung của vợ chồng ông M và bà V do tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Theo lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và trong phần nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm, năm 2005 khi ông M về quê sinh sống có phân chia tài sản với bà V nhưng chỉ nói bằng miệng, không có văn bản chứng minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì khi hôn nhân tồn tại, vợ chồng có thể thỏa thuận chia tài sản chung nhưng phải lập thành văn bản. Trong trường hợp này, ông M và bà V không có văn bản phân chia tài sản chung của vợ chồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định hai ông bà đã phân chia tài sản với nhau là không có căn cứ.

Năm 2008, bà V đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện PY cho bà Đ chuyển nhượng và chia tách diện tích 651m² đất theo GCNQSDĐ số B945690 mang tên ông Nguyễn Mỹ M. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Việc xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn phải Đ vợ chồng bàn bạc và thỏa thuận. Tuy nhiên, khi bà V thực hiện việc chuyển nhượng và chia tách đất cho các con đã không có sự thỏa thuận, bàn bạc với ông M, mà tự ý thực hiện việc chuyển nhượng và chia tách diện tích 651m² đất là vi phạm quy định của pháp luật.

Trong nội dung văn bản số 451/UBND ngày 17/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện PY về việc phúc đáp đơn khởi kiện của ông Nguyễn Mỹ M có ý kiến cho rằng: Quyền sử dụng đất đối với 651m² đất tại Khối 1, thị trấn PY, huyện PY theo GCNQSDĐ số B95690 cấp ngày 21/01/1994 là tài sản chung của hộ gia đình ông Nguyễn Mỹ M, trong đó có bà Trương Thị V và các con là những người thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất. Do vậy, việc bà V tiến hành các thủ tục chuyển nhượng cho ông bà Đ, HG và chia tách quyền sử dụng đất cho các con là đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện PY đã căn cứ vào các quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành để lập hồ sơ và tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ theo đề nghị của bà Trương Thị V.

Xét thấy, việc Ủy ban nhân dân huyện PY nhận định bà Trương Thị V và các con là những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Mỹ M nên có quyền chuyển nhượng và chia tách đối với diện tích đất 651m² là không có cơ sở do ông M vẫn còn sống, hàng thừa kế thứ nhất chỉ đặt ra trong trường hợp ông M chết và không để lại di chúc. Việc Ủy ban nhân dân huyện PY nhận định về quyền của bà V như trong văn bản số 451/UBND ngày 17/6/2016 là hoàn toàn không có căn cứ. Mặt khác, GCNQSDĐ số B945690 được cấp theo Quyết định số 12/QĐ-UB ngày

21/01/1994 được UBND huyện PY xác định cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Mỹ M, tuy nhiên trong GCNQSDĐ số B945690 chỉ xác định cấp cho ông Nguyễn Mỹ M, vì vậy không có cơ sở xác định các con riêng của bà V cũng có quyền đối với diện tích đất nêu trên.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2003 thì người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất khi có các điều kiện sau: “1. *Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*; 2. *Đất không có tranh chấp*; 3. *Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án*; 4. *Trong thời hạn sử dụng đất*”. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B945690 đối với diện tích 651m² là tài sản chung của vợ chồng ông M và bà V; vì vậy, khi thực hiện quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất thì phải do cả ông M và bà V cùng nhất trí thực hiện thì mới đảm bảo quy định của pháp luật.

Về việc tặng cho, chia tách bất động sản: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140, Điều 145 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP thì trong trường hợp người muốn xin tách thửa đất thì phải có “*văn bản về việc chia tách quyền sử dụng đất phù hợp với pháp luật đối với hộ gia đình hoặc nhóm người có quyền sử dụng đất chung*”; khoản 1 Điều 467 của Bộ luật dân sự 2005 quy định: “*Tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu theo quy định của pháp luật bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu*”.

Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Điều 148 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP quy định một trong những thủ tục để chuyển nhượng quyền sử dụng đất là các bên phải lập “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”; Khoản 2 Điều 223 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về định đoạt tài sản chung như sau: “*Việc định đoạt tài sản chung hợp nhất được thực hiện theo thoả thuận của các chủ sở hữu chung hoặc theo quy định của pháp luật*”. Căn cứ vào các quy định trên, khi bà V muốn thực hiện việc chia tách quyền sử dụng đất cho các con và lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông bà Đ HG thì phải có sự đồng ý của ông M bằng văn bản có công chứng, chứng thực.

Tuy nhiên, trong vụ việc này, chỉ có bà V làm thủ tục đề nghị cơ quan nhà nước cho chuyển nhượng và chia tách quyền sử dụng đất, không có sự đồng ý bằng văn bản của ông Nguyễn Mỹ M nhưng Ủy ban nhân dân huyện PY vẫn chấp nhận Hồ sơ xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hồ sơ xin tách thửa đất 651m² của bà Trương Thị V để cấp cho 04 hộ bà Trương Thị V; hộ bà Hồ Thị TH, ông Lê TH Tam; hộ bà Lương Thị Hiền, ông Hồ Than Tân; hộ ông Nguyễn Tiến Đ, bà Đỗ Thị Lan HG; đồng thời thu hồi GCNQSDĐ số B945690 mang tên ông Nguyễn Mỹ M là vi phạm các quy định của pháp luật. xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M. Xét thấy cần phải hủy 04 (Bốn) GCNQSDĐ số AL191329 cấp cho bà Trương Thị V; GCNQSDĐ số AL191330 cấp cho hộ bà Hồ Thị TH, ông Lê TH Tam; GCNQSDĐ số AL191331 cấp cho hộ ông Hồ TH Tân, bà Lương Thị Hiền; GCNQSDĐ số AL191332 cấp cho hộ ông Nguyễn Tiến Đ, bà Đỗ Thị Lan HG do

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện PY ký ngày 31/01/2008; đồng thời kiến nghị UBND huyện PY khôi phục lại GCNQSDĐ số B945690 đứng tên ông Nguyễn Mỹ M được Ủy ban nhân dân huyện PY cấp ngày 20/01/1994 theo Quyết định số 12/QĐ-UB.

Từ những nhận định, phân tích trên; xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng cả về tố tụng và nội dung mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để đảm bảo hai cấp xét xử, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn Mỹ M là có căn cứ, tuy nhiên, do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên không xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Mỹ M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 223 các Điều 634, 635, khoản 1 Điều 467 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 106, khoản 2 Điều 223 của Bộ luật dân sự 2005; khoản a Điều 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 140, Điều 145, 148 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2003; Điều 11, 19, Điều 55, điểm a khoản 3 Điều 121, Khoản 3 Điều 241, khoản 3 Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 các Điều 30, Điều 32, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí;

- Xử: Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2017 và chuyển hồ sơ vụ án hành chính cho Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí: Ông Nguyễn Mỹ M được trả lại 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính phúc thẩm do bà Nguyễn Thị Kim D (Người đại diện theo ủy quyền) nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/04138 ngày 08/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PY.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. (Ngày 27/9/2017).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- V kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện PY;
- Chi Cục thi hành án dân sự huyện PY;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hồng